

MỤC LỤC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển	3 - 4
2. Sản phẩm	5 - 11
3. Định hướng phát triển	11 - 12
4. Triết lý kinh doanh	12
5. Sứ mệnh và tầm nhìn.....	12
6. Các mục tiêu của giai đoạn 2012-2015	13

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức	14 - 19
2. Tóm tắt lý lịch cá nhân của ban giám đốc	20 - 21
3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động	
a. Số lượng lao động	21
b. Chính sách với người lao động	22 - 23

III. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thông tin về hội đồng quản trị và ban kiểm soát.....	24 - 37
--	---------

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012

VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2013.....	38 - 41
---------------------------------	---------

V. BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2012 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI.....

42 - 45

VI. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

46 - 52

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

53 - 73

1. Báo cáo tài chính năm 2012	54 - 60
-------------------------------------	---------

2. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012	61 - 73
---	---------



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份公司

R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển :

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Tiền thân của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên là bộ phận sản xuất các sản phẩm nội thất, được thành lập từ năm 2003 nhằm phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu sang thị trường quốc tế của Công ty cổ phần Hữu Liên Á Châu.

Tháng 8 năm 2007, Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên chính thức được thành lập, với những giá trị cốt lõi được thừa hưởng từ nền tảng vững chắc của Hữu Liên Á Châu. Hữu Liên Á Châu - một trong những cổ đông chiến lược có hơn 30 năm kinh nghiệm và luôn là thương hiệu hàng đầu ngành thép tại Việt Nam,

Trải qua hơn năm năm hình thành và phát triển, kiên định với tôn chỉ “kinh doanh uy tín và sản phẩm chất lượng là yếu tố then chốt để xây dựng thương hiệu và đứng vững trên thị trường”, đến nay Minh Hữu Liên đã được đông đảo người tiêu dùng biết đến như một trong những công ty hàng đầu về sản xuất xe đẩy công nghiệp và các sản phẩm nội thất cho thị trường xuất khẩu và nội địa.

CÁC CỘT MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

Tháng 8 năm 2007, Công ty cổ phần Minh Hữu Liên được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6.5 tỷ đồng. Trụ sở và nhà xưởng đặt tại địa điểm KE A2/7 Tân Kiên Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân với tổng diện tích là 8,131.8 m².

Năm 2008, để đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển thị trường, Công ty Minh Hữu Liên đã mở thêm phân xưởng II tại Lô D3 Khu Tiểu Thủ Công Nghiệp Lê Minh Xuân, Ấp 1, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh với tổng diện tích hơn 800m² với mục đích chuyên sản xuất các mặt hàng trang trí nội thất.

Tháng 12 năm 2008, công ty đã xây dựng thành công và đưa vào sử dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 với giấy chứng nhận số HT1797.08.17 do trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT cấp.



Tháng 3 năm 2009, công ty CP Minh Hữu Liên mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh thương mại.

Tháng 04 năm 2009, Văn Phòng giao dịch Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên chính thức được thành lập tại điểm R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7.

Tháng 11 năm 2009, Công ty đã lập kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ thông qua phương thức phát hành 1.350.000 cổ phiếu, với mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu và chính thức được niêm yết trên sàn Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: MHL.

Năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lên 39.763.500.000 tỷ đồng.

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên đã tiến hành việc Tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp thông qua sự hỗ trợ của đơn vị tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực Tái cấu trúc doanh nghiệp là Công ty Cổ Phần Giải pháp Phát triển Doanh nghiệp (BDSC). Qua đó Công ty bước đầu đã hoàn thành giai đoạn đầu tiên của Chương trình Tái cấu trúc toàn diện, tập trung vào 03 vấn đề trọng yếu bao gồm: (1) Xây dựng Chiến lược kinh doanh, (2) Xây dựng Chiến lược thương hiệu và (3) Xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp.

Trong năm 2011, thương hiệu xe đẩy KANSON được xây dựng với các chủng loại sản phẩm đa dạng: xe đẩy 2 bánh, xe đẩy 4 bánh, xe công cụ, xe tiện dụng, ... Đồng thời, đội ngũ nhân viên thiết kế Công ty đã phát triển thành công hai dòng sản phẩm nội thất văn phòng Ming Office để phục vụ cho thị trường nội địa, chủ yếu tập trung vào mảng dự án.

Năm 2012, thương hiệu nội thất nhập khẩu cao cấp Moderno đã được Công ty Cổ Phần Minh Hữu Liên phát triển thành công tại thị trường Việt Nam, ra mắt Showroom đầu tiên với dòng sản phẩm nội thất gia đình hiện đại, sang trọng và đơn giản tại R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7.

2. Các dòng sản phẩm chính:

Công ty chuyên sản xuất và mua bán sản phẩm gia dụng với nguyên liệu từ sắt thép. Cụ thể, thương hiệu MING chú trọng phát triển ba dòng sản phẩm chính:

2.1. MING OFFICE :

A. Sản phẩm nội thất văn phòng linh hoạt :

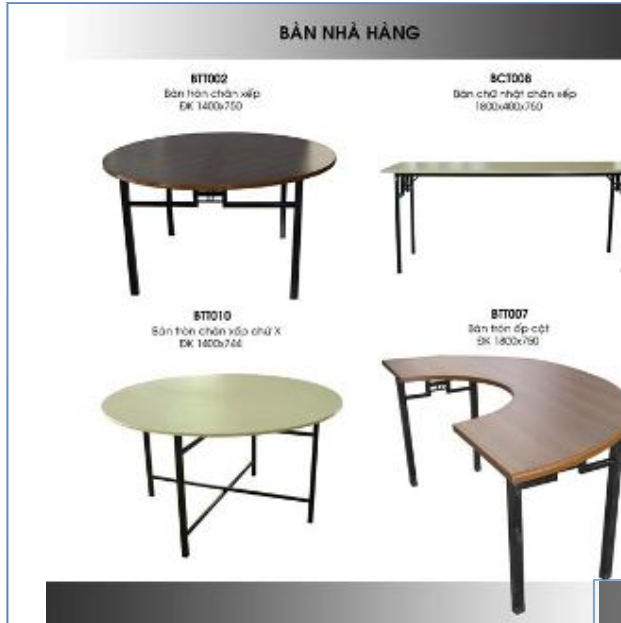
a) Simple Office : sự giản đơn và tiện dụng được thể hiện qua sự phối hợp linh hoạt các hình dáng, chất liệu và phụ kiện giúp tạo nên một không gian làm việc đơn giản, không rườm rà, mà hết sức thoáng đãng, thoải mái.



b) Elegance Office : là sự kết hợp thông minh, sống động cho không gian làm việc, thoát ly khỏi sự quy củ. Dòng sản phẩm vượt xa hẳn một công cụ văn phòng đơn thuần, thể hiện sự tinh tế và mang đến cho người sử dụng nguồn cảm hứng sáng tạo.



B. Sản phẩm nội thất, ngoại thất trường học, nhà hàng, khách sạn....:
 Minh Hữu Liên là đối tác tin cậy cho các công trình lớn.



2.2. KANSON :

Sản phẩm mang tính tiện dụng cao và là giải pháp hiệu quả trong vấn đề vận chuyển các vật dụng hay hàng hóa có tải trọng lớn. Sản phẩm thích hợp sử dụng cho gia đình, công ty, nhà máy, bệnh viện và trường học.



Kinh nghiệm làm việc với các đối tác nước ngoài tạo điều kiện cho KANSON luôn được cập nhật những chuẩn mực quốc tế mới do đó mẫu mã, chất lượng không ngừng được nâng cao.



2.3. MODERNO :

Việc tái cơ cấu dòng sản phẩm nội thất gia đình đã mang đến một xu hướng mới cho khách hàng. Trẻ trung, hiện đại, sang trọng và đơn giản chính là bốn tính cách nổi bật tạo nên phong cách riêng của dòng sản phẩm này.

Việc sở hữu một không gian sống với thiết kế đơn giản, hiện đại và tinh tế giúp cho người sử dụng có thể trút bỏ những áp lực của công việc và cuộc sống.



Thị trường nội địa với các dự án tiêu biểu:

Trên thị trường, các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt về giá, nhưng tương ứng với giá thấp, sản phẩm được cung cấp thường kém chất lượng. Minh Hữu Liên xác định rõ phân khúc thị trường và đối tượng khách hàng của mình, luôn giữ vững tôn chỉ “kinh doanh uy tín, sản phẩm chất lượng”, bằng mọi cách vẫn luôn quan tâm, đảm bảo lấy yếu tố chất lượng làm tiêu chí kinh doanh hàng đầu. Đây chính là chìa khóa quan trọng giúp Minh Hữu Liên chinh phục người tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm ổn định cùng uy tín công ty đã giúp Minh Hữu Liên khẳng định được vị thế nhất định của mình tại thị trường nội địa thông qua những gói thầu lớn như :

- Cung cấp, lắp đặt tủ sắt, giường tầng cho 307 phòng sinh hoạt của sinh viên và thiết bị phòng khách cho khu ký túc xá Trường Đại Học Bách Khoa vào tháng 9 năm 2008.
- Công trình nhà ăn sinh viên của Trung Tâm Giáo Dục Quốc Phòng thuộc Đại Học Quốc Gia TP.HCM tháng 3 năm 2009.
- Hợp tác với công ty IKEA – nhãn hiệu nội ngoại thất nổi tiếng trên thế giới nhằm cung cấp các sản phẩm nội thất ngoài trời..
- Hợp tác với Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam nhằm cung cấp các sản phẩm xe đẩy công nghiệp từ tháng 5 năm 2010.
- Cung cấp, lắp đặt 648 bộ bàn ghế và thiết bị trường học cho Đại học Tôn Đức Thắng – cơ sở Nha Trang vào tháng 6 năm 2010.
- 250 bộ bàn ghế học sinh 4 chỗ được cung cấp cho Trường Trung Cấp Kỹ Thuật Đồng Nai vào tháng 5 năm 2011.
- 700 ghế nhà hàng và 120 bàn tròn được cung cấp cho Công Ty Hồng Tuyên Nha Trang và Nhà Hàng Mãi Mãi trong tháng 7 năm 2011.
- Cung cấp 370 ghế sinh viên và 55 giường sắt 2 tầng cho Đại Học Hoa Sen vào tháng 12 năm 2011
- Hợp đồng cung cấp 550 giường tầng sinh viên cho ký túc xá Đại Học Giao Thông Vận Tải vào tháng 2 năm 2012
- Trang bị và cung cấp giường tầng sinh viên cho ký túc xá Đại Học Hoa Sen vào tháng 3 năm 2012.

- Cung cấp bàn ghế nhà hàng tiệc cưới cho công ty cổ phần thống nhất vào tháng 8 năm 2012

Thị trường xuất khẩu :

Bên cạnh việc phát triển thị trường nội địa thông qua kênh siêu thị như Metro Cash & Carry, Công ty tiếp tục phát triển mảng xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Hiện nay, thương hiệu Minh Hữu Liên đã được nhiều đối tác nước ngoài biết đến với dòng sản phẩm xe đẩy chủ lực. Điều này thể hiện rõ qua việc các đơn đặt hàng xe đẩy xuất khẩu liên tục tăng qua các năm.

Kinh nghiệm làm việc với các đối tác nước ngoài tạo điều kiện cho Công ty luôn được cập nhật những chuẩn mực quốc tế mới do đó mẫu mã, chất lượng không ngừng được nâng cao.

Việc xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ - nơi có những qui định rất nghiêm ngặt về quản lý chất lượng sản phẩm – là thực tế minh chứng cho lời Cam kết Chất lượng của thương hiệu xe đẩy KANSON với khách hàng và khẳng định xu thế phát triển bền vững trong tương lai.

3. Định hướng phát triển :

Những thành công đã đạt được trong thời gian qua là tiền đề cho những kế hoạch phát triển đầy tiềm năng của Công Ty CP Minh Hữu Liên:

A. Với thương hiệu nội thất nhập khẩu cao cấp *Moderno* :

- + Hiện nay, với lợi thế Showroom đặt tại khu vực sang trọng bậc nhất của TpHCM, khu trung tâm kinh tế văn hóa của cả nước, thương hiệu *Moderno* đã bước đầu được biết đến và thu hút được sự quan tâm của khách hàng.
- + Đây sẽ là mảng sản phẩm được tập trung đầu tư, phát triển tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đón đầu cơ hội khi thị trường bất động sản phục hồi trong thời gian tới.
- + Đồng thời phát triển thêm ngành hàng nội thất cà phê, nhà hàng để phục vụ cho khu vực TpHCM và các thành phố trọng điểm.

B. Nội thất văn phòng Ming Office:

+ Tập trung khai thác kênh khách hàng dự án : cao ốc văn phòng, trường học, ... đối với thương hiệu nội thất văn phòng Ming Office, tập trung tại khu vực TpHCM và các thành phố trọng điểm, tận dụng yếu tố hiểu biết, kinh nghiệm về thị trường chung với thương hiệu Moderno.

C. Kanson :

- + Cùng cố doanh số khách hàng cũ thông qua các chính sách hỗ trợ bán hàng để gia tăng sản lượng. Đồng thời công ty chú trọng phát triển thêm các mặt hàng chủ lực để tăng thêm hạng mục hàng hóa cung cấp.
- + Phát triển khách hàng mới thông qua việc khai thác và phát triển thêm thị trường Úc là thị trường có các yếu tố, đòi hỏi tương đồng với thị trường Mỹ.
- + Đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu bằng qui trình sản xuất chặt chẽ, kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

4. Triết lý kinh doanh :

- **Về mặt Nhân sự:** tạo dựng Minh Hữu Liên trở thành “môi trường làm việc lý tưởng” cho người lao động.
- **Về sản phẩm:** nói đến sản phẩm của Minh Hữu Liên là nói đến “Chất lượng số 1” trong phân khúc thị trường mục tiêu.
- **Thương hiệu:** xây dựng thương hiệu của các sản phẩm Minh Hữu Liên trở thành thương hiệu mạnh trong ngành nội, ngoại thất bàn ghế.
- **Hệ thống quản lý:** Chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất.
- **Văn hóa doanh nghiệp:** mạnh và tác động tốt đến hoạt động của công ty.

5. Sứ mệnh và tầm nhìn :

- **SỨ MỆNH:** “Đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng để không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống”
- **TẦM NHÌN:** “Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành kinh doanh thép, các sản phẩm ứng dụng từ thép và nội thất”

6. Các mục tiêu của giai đoạn 2013 – 2016 :

- Đẩy mạnh xuất khẩu dòng sản phẩm ứng dụng từ thép qua thị trường Mỹ, Úc.
- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu nội thất Moderno với phong cách đơn giản, tinh tế
- Triển khai và phát triển ngành hàng ống Inox với phương châm chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là ưu tiên hàng đầu
- Định hướng kế hoạch kinh doanh của công ty tới năm 2016 cụ thể như sau :

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng doanh thu	496 tỷ	545 tỷ	600 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	7.44 tỷ	8.17 tỷ	9 tỷ
Chia cổ tức bằng tiền mặt	10%	10%	10%



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1-49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Doãn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

II. TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



1. Cơ cấu tổ chức :

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.

BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

BAN GIÁM ĐỐC:

- Bao gồm Giám Đốc và Phó Giám Đốc
- Giám Đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KHOẢ SẢN XUẤT – KỸ THUẬT

- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty trong từng thời điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- Bảo đảm quá trình sản xuất nằm trong kiểm soát của hệ thống quản lý chất lượng.



- Bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.
- Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động tốt và đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất ý kiến với Ban Giám đốc về các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thiết kế sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, chế tạo, phát triển sản phẩm
- Thiết kế các công cụ, khuôn gá phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Giám sát và điều hành thực hiện nội quy an toàn lao động, biên chế cấp bậc kỹ thuật.

PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – THỐNG KÊ

- Các công việc liên quan đến công tác tính giá thành, hạch toán, phân bổ các chi phí; thực hiện các chức năng quản lý tài chính kế toán theo qui định; thiết lập và lưu giữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng.

PHÒNG NHÂN SỰ HÀNH CHÁNH

- Giải quyết các vấn đề về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo phát triển nhân viên; phụ trách lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên Công ty. Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ.

KHỐI KINH DOANH NỘI THẤT

- Xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh các sản phẩm nội thất văn phòng, nhà hàng và phân phối dòng sản phẩm nội thất cao cấp (thương hiệu Moderno).
- Thực hiện các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, chính sách giá cả, đạt mục tiêu của Ban giám đốc đề ra.

PHÒNG KD XUẤT NHẬP KHẨU

- Duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu, góp phần xây dựng và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các thủ tục, công tác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu Công ty.

PHÒNG KINH DOANH INOX

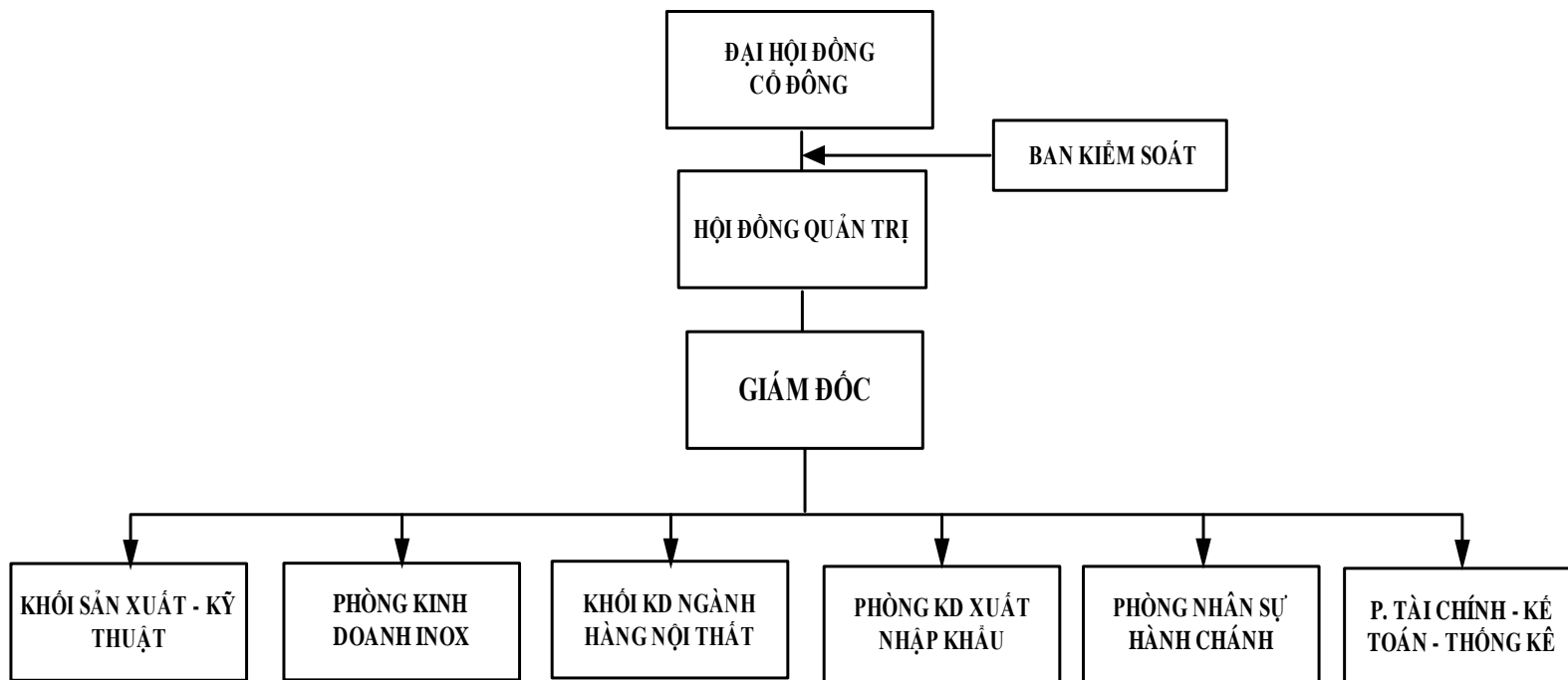
- Xây dựng và mở rộng hệ thống kinh doanh ngành hàng ống Inox.
- Đẩy mạnh khảo sát, phân tích, nghiên cứu thị trường xuất khẩu và nội địa từng bước



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bùì Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN





Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phường Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

2. Tóm tắt lý lịch cá nhân của Ban giám đốc :

ST T	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Tuấn Minh	Giám Đốc
2	Hồ Ngọc Thế Anh	Phó Giám Đốc Kinh Doanh nội thất
3	Lê Tấn Quốc	Phó Giám Đốc Kinh doanh Inox

Ông Trần Tuấn Minh: Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh

CMND : 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, CA

TP.HCM Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Hoa

Quê quán : Quảng Đông – Trung Quốc

Địa chỉ thường trú : 5 – 7 Trần Điện, P.10, Q.5, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948 – (08)5412 0781

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

+ Từ 2003 đến 2007: Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu

+ Từ 2007 đến nay : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu

Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phường Mỹ Hưng, Bàu Bàng Quận, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

Ông Hồ Ngọc Thế Anh : Phó Giám Đốc Kinh Doanh

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983

Nơi sinh : Nha Trang, Khánh Hòa

CMND : 225219386

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nha Trang, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú : 23 Phạm Hồng Thái, Nha Trang, Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948 – (08)5412 0781

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - chuyên ngành Marketing

Quá trình công tác :

- + Từ 9/2005 đến 1/2009 : Công ty CP cao su Sài Gòn KYMDAN
- + Từ 6/2009 đến 8/2010 : Công ty CP sữa Việt Nam - VINAMILK
- + Từ 9/2010 đến nay : Công ty CP Minh Hữu Liên

Ông Lê Tấn Quốc : Phó Giám Đốc Kinh Doanh Inox

Ngày tháng năm sinh: 27/05/1972

Nơi sinh : Sài Gòn

CMND : 022317855

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nam Hà



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 1194

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Anh Ngữ

Quá trình công tác :

+ Từ 2009 đến 2010 : Posco Vietnam Processing Centre (POSCO-VHPC)

+ Từ 2011 - đến 2012 : Sunmark Production Co., Ltd.

3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động

A. Số lượng lao động

- Tính đến 01/01/2013, số lượng người lao động trong Công ty là 344 người. Cơ cấu lao động của Công ty được phân như sau:

- Kỹ sư : 10
- Nhân viên văn phòng : 57
- Công nhân : 277

B. Chính sách với người lao động

B.1. Chính sách đào tạo:

- Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.
- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau:
 - Đào tạo nội bộ thông qua việc mời các chuyên gia của Công ty Cổ Phần Giải pháp Phát triển Doanh nghiệp (BDSC) đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.
 - Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề nhằm tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho người lao động.
 - Hướng người lao động đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tác động tích cực đến hoạt động của công ty.
 - Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:
 - Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.
 - Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.
 - Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 3 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...

- **Thưởng:** Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật....

B.2. Chế độ nghỉ phép, lễ, tết: Công ty thực hiện theo luật định.

B.3. Bảo hiểm và phúc lợi

- Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.

B.4. Tổ chức Công Đoàn

- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.





Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

III. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY

a. Hội Đồng Quản Trị

- Hội đồng quản trị của Công ty CP Minh Hữu Liên hiện nay có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm bao gồm 1 chủ tịch và 4 uỷ viên.

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Xảo Cơ	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Tuấn Minh	Thành viên HĐQT
3	Trần Thanh Sang	Thành viên HĐQT
4	Lê Anh Hải	Thành viên HĐQT
5	Khưu Kim Hòa	Thành viên HĐQT



Ông Trần Xảo Cơ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 14/11/1948
- Nơi sinh: TP.HỒ Chí Minh
- CMND : 021616925, ngày cấp 7/10/2003, nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện, P.10, Q.5, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 9/12
- Trình độ chuyên môn: trên 20 năm kinh nghiệm năm trong ngành thép
- Quá trình công tác :
 - + Từ 1978 – 1981: Tổ trưởng Tổ sản xuất Hữu Liên (sản xuất xích xe máy. xích xe

- đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
- + Từ 1981 – 1989: Tổ trưởng Hợp tác xã Cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
- + Từ 1989 – 1991: Giám đốc xí nghiệp tư doanh cơ khí Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích xe đạp và các sản phẩm thép xuất khẩu)
- + Từ 1991 – 1996: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên (sản xuất xích xe máy, xích băng tải và kinh doanh sắt thép)
- + Từ 1996 – 2001: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên, thực hiện dự án liên doanh với Công ty Shiuh Cherng (Đài Loan) sản xuất ống thép tại Việt Nam
- + Từ 2001 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012):
- Đại diện sở hữu: 1,220,000 cổ phần, chiếm 30.68% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trần Tuấn Minh: Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 24/06/1983
- Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
- CMND: 023543525, ngày cấp: 15/06/1998, CA TP.HCM Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc: Hoa
- Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: 5 – 7 Trần Điện, P.10, Q.5, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 5412 2948 – (08)5412 0781
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác
 - + Từ 2003 đến 2007 : Phó giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 2007 đến nay : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
 - + Từ 6/2008 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
 - + Giám đốc Công ty CP Minh Hữu Liên
 - + Thành viên Hội đồng quản trị Cty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác : Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 180.000 cổ phần, chiếm 4.52% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 180 000 cổ phần chiếm 4 52% vốn điều lệ

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Trần Thanh Sang : Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 19/05/1975
- Nơi sinh: Quy Nhơn – Bình Định
- CMND : 024596224, cấp ngày 15/09/2010, nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Quy Nhơn – Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 10B2-13 Khu phố Skygarden3, Phú Mỹ Hưng, Q7, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3521 0668
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác
 - + Từ 1997 – 1999 : LG INTERNATIONAL GROUP (Giám đốc Thương Hiệu)
 - + Từ 1999 – 2005 : SC.JOHNSON&SONS ĐÔNG DƯƠNG
(GD Thương hiệu Cấp Cao, GD kinh doanh và Tiếp thị, GD M&A ĐÔNG DƯƠNG)
 - + Từ 2005 – 2006 : FRIESLANDCAMPINA VIETNAM (DUTCH LADY)
(GD Tiếp thị)
 - + Từ 2006-2008 : WRIGLEY GROUP (CHÂU Á)
(GD Chiến lược và Tiếp thị, GD M&A CHÂU Á).
 - + Từ 2008-2010 : VIETFASHION CORP (Giám đốc điều hành - CEO)
 - + Từ 2010 đến nay : BDSC (Giám đốc điều hànhCEO)
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Điều hành (CEO) Công ty CP Giải Pháp Phát Triển Doanh Nghiệp (BDSC)
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ông Lê Anh Hải : Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/03/1973
- Nơi sinh: Hà Sơn Bình
- CMND : 361434136, cấp ngày 03/03/2006, nơi cấp: CA TP.Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Hà Sơn Bình
- Địa chỉ thường trú: 963 Hậu Giang, Chung cư Bình Phú, Lầu 6, Nhà D064, F.11, Q.6 TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác
 - + Từ 1995 – 2000 : Điều hành thương mại Cty Liên doanh Sơn Cao Cấp APC
 - + Từ 2000 – 2004 : Giám đốc bán hàng khu vực Cty SC. Johnson & Son Việt Nam.
 - + Từ 2004 – 2006 : Giám đốc bán hàng vùng Cty Colgate Palmolive Việt Nam
 - + Từ 2006 – 05/2007 : Giám đốc bán hàng TP.HCM Cty GlaxoSmithKline.
 - + Từ 6/2007 – 9/2007: Trưởng Phòng nghiên cứu phát triển thị trường Cty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 9/2007 đến nay : Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 6/2009 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Khuu Kim Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/12/1948
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND : 020869759, cấp ngày 26/04/1997, nơi cấp: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán: Quảng Đông – Trung Quốc

- Địa chỉ thường trú: 243 Đường số 7, phường Bình Trị Đông, Q. Bình Tân, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán và cơ khí
- Quá trình công tác
 - + Từ 1980 – 1985 : Kế toán Tổ Hợp Vĩnh Hợp (sản xuất nan hoa (cắm) xe đạp)
 - + Từ 1985 – 1992 : Tổ trưởng Tổ Hợp Nhật Tảo (sản xuất gia công hộp thiết cho xí nghiệp Dược Phẩm Quận 11)
 - + Từ 1992 – 1995 : Kế toán công ty TNHH Tam Hòa (kinh doanh thương mại sắt thép)
 - + Từ 1995 – 1997 : Quản đốc xưởng ống thép Doanh Nghiệp Tư Nhân Hữu Liên
 - + Từ 1997 – 2003 : Phó giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Hữu Liên
 - + Từ 2003 – 2007 : Quản đốc Quản Lý Sản Xuất Công ty CP Hữu Liên Á Châu
 - + Từ 2007 đến nay : Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

B. Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát của Công ty CP Minh Hữu Liên hiện có 3 thành viên, gồm 1 trưởng ban và 2 thành viên.

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên BKS
3	Lê Huy Phong	Thành viên BKS

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân – Trưởng Ban Kiểm Soát

- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1982
- Nơi sinh: Kontum
- CMND: 233048038, cấp ngày 26/08/1997, nơi cấp: CA Kontum
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Kontum
- Địa chỉ thường trú: 212 Phan Đình Phùng, thành phố Kontum, tỉnh Kontum
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 3877 0062 – (08) 3877 0754
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác
 - + Từ 2004 – 2009 : chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán DTL
 - + Từ 2010 đến nay : chuyên viên kiểm soát nội bộ.Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Chức vụ công tác hiện nay của tổ chức niêm yết : Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên kiểm soát nội bộ.Công ty CP Hữu Liên Á Châu.
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Bà Nguyễn Thị Thu Mai – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Ngày tháng năm sinh:24/08/1985
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND: 212720537, cấp ngày 05/03/2003, nơi cấp: CA Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Xuân An, Tịnh Hòa, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Điện thoại liên lạc: 0972 879 133 Email: mai.nguyen@huulienasia.com
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt: Từ tháng 6/2008 đến tháng 09/2010 với chức vụ trợ lý kiểm toán.

- Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu: Từ tháng 10/2010 đến nay với chức vụ chuyên viên kiểm soát nội bộ.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên kiểm soát nội bộ. Công ty CP Hữu Liên Á Châu
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Ông Lê Huy Phong – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Ngày tháng năm sinh : 06/02/1979
- Nơi sinh: TP. Biên Hòa
- CMND : 025033066, cấp ngày 18/10/2008, nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 259/12F Cách Mạng Tháng 8, P. 7, Q. Tân Bình, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc ở cơ quan : (08) 5410 3894 – (08) 5412 3895
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kiến trúc sư, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
 - + Từ 3/2004 – 10/2004 : Công ty liên doanh Phú Mỹ Hưng
 - + Từ 10/2004 – 7/2005 : Công ty Graham Taylor Design
 - + Từ 7/2005 – 4/2007 : Trưởng phòng đầu tư – phát triển Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch
 - + Từ 4/2007 – 9/2007 : Công ty CP Địa ốc Phú Long
 - + Từ 9/2007 – 3/2008 : Trưởng Phòng phát triển dự án Công ty TNHH TM DV Hiệp Phúc
 - + Từ 3/2008 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Đầu tư Hữu Liên
- Chức vụ công tác hiện nay của tổ chức niêm yết : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Minh Hữu Liên
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Đầu tư Hữu Liên
- Số CP nắm giữ (thời điểm 14/12/2012): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

IV.
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH 2012
&
KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG 2013

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TH 2012 / KH 2012
1.	Doanh thu thuần	276 tỷ	282.93 tỷ	102.51%
2.	Lợi nhuận trước thuế	9.1 tỷ	3.03 tỷ	33.3%
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2.76 tỷ	1.22 tỷ	44.2%
4.	Lợi nhuận sau thuế	6.34 tỷ	1.81 tỷ	28.55%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền mặt	3.97 tỷ	0	0%
	Quỹ khen thưởng	1 tỷ	0	0%
	Quỹ phúc lợi	317 triệu	0	0%
	Thưởng cho HĐQT	126.8 triệu	0	0%
	Quỹ phát triển sản xuất		1.4 tỷ	
	Quỹ dự phòng tài chính	926.2 triệu	410.75 triệu	44.35%
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.8 triệu	4.3 triệu	89.58%

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

Năm 2013 được dự báo tiếp tục sẽ là năm đầy khó khăn và thử thách đối với các Doanh Nghiệp Việt Nam. Bắt nguồn từ những khó khăn của thị trường trong năm 2012, trong năm 2013 các yếu tố về lạm phát, tín dụng, lãi suất cho vay sản xuất sẽ tiếp tục giữ mức cao.

Đánh giá được những khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty đề ra một số định hướng cần phải thực hiện trong năm 2013 như sau:

1. Rà soát tất cả các nguồn chi phí và đảm bảo tiết kiệm tối đa chi phí của Doanh Nghiệp.
2. Rà soát và nghiên cứu các phương án nhằm đảm bảo công suất sản xuất tối đa của nhà máy.
3. Tái cơ cấu dòng sản phẩm nội thất và tung ra các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.

4. Tiếp tục đẩy mạnh doanh số gia công sản phẩm xe đẩy công nghiệp cho thị trường nội địa và xuất khẩu thông qua các tập đoàn lớn như METRO, CENTRAL PURCHASING...
5. Đa dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép để chào hàng trực tiếp tại các thị trường nước ngoài như Mỹ, Úc.
6. Bên cạnh ngành hàng nội thất truyền thống, năm 2013 công ty nhắm tới thị trường ống inox còn nhiều tiềm năng. Do đó, Hội Đồng Quản Trị dự kiến bổ sung nguồn vốn hoạt động thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu, với số vốn tăng dự kiến là 20 tỷ.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ LỢI NHUẬN NĂM 2013 NHƯ SAU:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013
1.	Doanh thu thuần	431,5 tỷ
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2,75 tỷ
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	
	Chi cổ tức bằng tiền mặt 10%	3.97 tỷ
	Quỹ khen thưởng	800 triệu
	Quỹ phúc lợi	810 triệu
	Quỹ đầu tư phát triển	300 triệu
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2013 (2%)	120 triệu
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.7 triệu

V.

BÁO CÁO HĐQT & BGD
VỀ TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
KINH DOANH 2012

&

PHƯƠNG HƯỚNG
PHÁT TRIỂN TRONG
THỜI GIAN TỚI

Năm 2012 là một năm vô cùng khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành thép, ngành nội thất nói riêng. Hầu hết các doanh nghiệp ngành thép, nội thất chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tình hình “Giảm phát” của nền kinh tế Việt Nam, lãi suất cho vay cao làm tăng chi phí vốn và làm giảm khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp. Ngoài ra do chính sách vĩ mô chủ đạo trong năm 2012 là thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát, cắt giảm đầu tư công làm tình hình tiêu thụ chậm, hàng tồn kho cao, nhiều nhà máy phải giảm sản xuất thậm chí chạy cầm chừng.

Trước những khó khăn trên, Hội đồng quản trị đã thể hiện trách nhiệm cao và cẩn trọng trong công tác quản lý, từ đó đưa ra những nhận định kế hoạch kinh doanh kịp thời, sát với thực tế, đồng thời tổ chức triển khai kế hoạch được giao một cách khoa học nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty cũng như các cổ đông. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

I> BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn thách thức, thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp dẫn đến sản lượng sản xuất bị suy giảm, lãi suất ngân hàng đã giảm nhẹ nhưng vẫn còn ở mức cao ... đã tạo nhiều áp lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Để giải quyết tình trạng trên và từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty đã chủ động gia tăng doanh số tối đa các khách hàng cũ và tăng cường mở rộng tìm kiếm khách hàng mới cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Trong bối cảnh đó, Công ty CP Minh Hữu Liên đã có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TH 2012 / KH 2012
1.	Doanh thu thuần	276 tỷ	282.93 tỷ	102.51%
2.	Lợi nhuận trước thuế	9.1 tỷ	3.03 tỷ	33.3%
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2.76 tỷ	1.22 tỷ	44.2%
4.	Lợi nhuận sau thuế	6.34 tỷ	1.81 tỷ	28.55%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	Chi cổ tức bằng tiền mặt	3.97 tỷ	0	0%
	Quỹ khen thưởng	1 tỷ	0	0%
	Quỹ phúc lợi	317 triệu	0	0%
	Thưởng cho HĐQT	126.8 triệu	0	0%
	Quỹ phát triển sản xuất		1.4 tỷ	
	Quỹ dự phòng tài chính	926.2 triệu	410.75 triệu	44.35%
6.	Thu nhập bình quân người /	4.8 triệu	4.3 triệu	89.58%

Với những khó khăn trong năm 2012 của nền kinh tế nói chung đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty, tuy nhiên với sự phấn đấu của toàn thể CBNV Công ty, việc điều hành, dự báo và ứng phó của Ban điều hành đã đưa Công ty vượt qua khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012 đã đề ra.

II>

:

a.

:

- Củng cố thị trường truyền thống và từng bước đã mở rộng thêm các khách hàng mới. Các hoạt động Marketing được điều chỉnh và cải thiện, chương trình khuyến mãi bán hàng, chăm sóc khách hàng cũng được chú trọng nên đã thu hút được khách hàng gắn bó lâu dài với Công ty.
- Điều chỉnh, sắp xếp hệ thống kinh doanh có hiệu quả hơn.

b.

:

- Sắp xếp, cấu trúc lại bộ phận sản xuất hoạt động có hiệu quả, tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, bao bì, điện nước, giảm giá thành sản phẩm.
- Cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm; đầu tư xây dựng thương hiệu thông qua các hoạt động nghiên cứu thị trường, chương trình khuyến mãi, quảng cáo.

c.

:

- Luôn luôn xác định công tác quản trị nhân sự đóng vai trò quan trọng trong hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi và môi trường làm việc để phát huy tối đa năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân.
- Từng bước nâng cao thu nhập của người lao động để giữ và thu hút những cán bộ, nhân viên có năng lực và hết lòng cống hiến.
- Kết quả thu nhập của người lao động đã được cải thiện như sau:

- Năm 2011 thu nhập bình quân người/tháng: 3,6 triệu đồng.

- Thường xuyên xem xét để điều chỉnh hệ số lương chức danh cho toàn thể người lao động phù hợp với chức năng, công việc đang thực hiện và nhằm nâng cao đời sống của người lao động.

d. :

- Nhằm không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng quản lý và chuyên môn, Công ty luôn duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 trong sản xuất

III> PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

Năm 2013 được dự báo tiếp tục sẽ là năm đầy khó khăn và thử thách đối với các Doanh Nghiệp Việt Nam. Bắt nguồn từ những khó khăn của thị trường trong năm 2012, trong năm 2013 các yếu tố về lạm phát, tín dụng, lãi suất cho vay sản xuất sẽ tiếp tục giữ mức cao.

Đánh giá được những khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty đề ra một số định hướng cần phải thực hiện trong năm 2013 như sau:

1. Rà soát tất cả các nguồn chi phí, đảm bảo tiết kiệm tối đa chi phí Doanh Nghiệp.
2. Rà soát và nghiên cứu các phương án nhằm đảm bảo công suất sản xuất tối đa của nhà máy.
3. Tái cơ cấu dòng sản phẩm nội thất và tung ra các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
4. Tiếp tục đẩy mạnh doanh số gia công sản phẩm xe đẩy công nghiệp cho thị trường nội địa và xuất khẩu thông qua các tập đoàn lớn như METRO, CENTRAL PURCHASING...
5. Đa dạng hóa các dòng sản phẩm ứng dụng từ thép để chào hàng trực tiếp tại các thị trường nước ngoài như Mỹ, Úc.
6. Bên cạnh ngành hàng nội thất truyền thống, năm 2013 công ty nhắm tới thị trường ống inox còn nhiều tiềm năng. Do đó, Hội Đồng Quản Trị dự kiến bổ sung nguồn vốn hoạt động thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu, với số vốn tăng dự kiến là 20 tỷ.



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bàu Bàng Đoàn, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

7. Kế hoạch sản xuất và lợi nhuận năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013
1.	Doanh thu thuần	431,5 tỷ
2.	Lợi nhuận trước thuế	8.75 tỷ
3.	Nộp ngân sách nhà nước	2,75 tỷ
4.	Lợi nhuận sau thuế	6 tỷ
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận	
	Chi cổ tức bằng tiền mặt 10%	3.97 tỷ
	Quỹ khen thưởng	800 triệu
	Quỹ phúc lợi	810 triệu
	Quỹ đầu tư phát triển	300 triệu
	Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2013 (2%)	120 triệu
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.7 triệu

IV> ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN TỚI NĂM 2016

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch kinh doanh của Công ty tới năm 2016, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng doanh thu	496 tỷ	545 tỷ	600 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	7.44 tỷ	8.17 tỷ	9 tỷ
Chia cổ tức bằng tiền mặt	10%	10%	10%

Kết luận:

Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng vào sự ủng hộ nhiệt thành của các Quý Cổ đông, của các cán bộ quản lý cấp cao đầy nhiệt huyết và sự nỗ lực đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty để cùng đứng vững, vượt qua những khó khăn và đạt được các mục tiêu đề ra cho năm 2013.



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份有限公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phường Mỹ Hưng, Bàu Bàng Quận, P. Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

VI. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty;
- Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2012;
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2012;
- Kết quả kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2012;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2013;

I> KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

Trong năm 2012, Chính phủ vẫn đặt mục tiêu hàng đầu là ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát điều này đồng nghĩa với thị trường bất động sản trầm lắng, bên cạnh đó đầu tư công tiếp tục được duy trì ở mức thấp nên nhu cầu tiêu thụ thép, nội thất sụt giảm. Với những khó khăn trên đã ảnh hưởng bất lợi trực tiếp cho ngành thép, ngành nội thất nói chung và Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên nói riêng. Ngoài ra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu sự tác động của các yếu tố sau:

- Các yếu tố đầu vào của sản xuất đều tăng giá: giá nguyên liệu thép, giá điện, giá nước, xăng dầu... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.
- Các yếu tố khác như: bất ổn tỷ giá ngoại tệ và sự sụt giảm của thị trường bất động sản –nguồn tiêu thụ chính của ngành thép, nội thất làm hạn chế sức tiêu thụ của thị trường.

Trước nhận định những khó khăn trên, Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các phòng ban và toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty cùng nhau khắc phục khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động nhằm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tái cơ cấu dòng sản phẩm nội thất và tung ra các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm. Trong năm Công ty đã khai trương 1 showroom bán hàng nội thất. Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh doanh số gia công xe đẩy công nghiệp cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Ngoài ra Ban Giám đốc đã sửa đổi và ban hành bổ sung các chính sách, quy định, quy trình quản trị nội bộ giúp hoạt động của Công ty được thuận lợi, minh bạch và hiệu quả.

II> KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH 2012:

1. Kết quả kinh doanh năm tài chính 2012 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012) như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TH 2012 / KH 2012
1.	Doanh thu thuần	276 tỷ	282.93 tỷ	102.51%
2.	Lợi nhuận trước thuế	9.1 tỷ	3.03 tỷ	33.3%
3.	Nộp ngân sách	2.76 tỷ	1.22 tỷ	44.2%
4.	Lợi nhuận sau thuế	6.34 tỷ	1.81 tỷ	28.55%
5.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận			
	+ Chi cổ tức bằng tiền (10%)	3.97 tỷ	0	0%
	+ Trích Quỹ khen thưởng (15,77%)	1 tỷ	0	0%
	+ Trích Quỹ phúc lợi (5%)	317 triệu	0	0%
	+ Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2012 (2%)	126.8 triệu	0	0%
	+ Quỹ phát triển sản xuất	0	1.4 tỷ	
	+ Phần còn lại bổ sung Quỹ dự phòng tài chính	926.2 triệu	410.75 triệu	44.35%
6.	Thu nhập bình quân người / tháng	4.8 triệu	4.3 triệu	89.58%

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2012:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	30/09/2012	30/09/2011	TĂNG (+) / GIẢM (-)
A.	TỔNG TÀI SẢN	134.607	59.852	74.755
I.	Tài sản ngắn hạn	100.444	48.005	52.439
II.	Tài sản dài hạn	34.163	11.847	22.316
B.	TỔNG NGUỒN VỐN	134.607	59.852	74.755
I.	Nợ phải trả	90.921	16.335	74.586
II.	Nguồn vốn chủ sở hữu	43.686	43.517	169

III> KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với Công ty TNHH kiểm toán DTL, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2012 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2012.

Thông qua kết quả kiểm toán báo cáo tài chính 2012, Ban kiểm soát có nhận xét:

+ Tổng doanh thu thuần đạt 102.51% so với kế hoạch năm 2012.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 28.55% so với kế hoạch năm 2012.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 của Minh Hữu Liên mặc dù không đạt được kết quả như kế hoạch nhưng xét trong tình hình kinh tế hiện tại, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lẽ đã là cố gắng rất lớn của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên.

IV> TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT NĂM TÀI CHÍNH 2012

1. Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2012

STT	CHỈ TIÊU	KẾHOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	TH 2012 / KH 2012
1.	Doanh thu thuần	276 tỷ	282.93 tỷ	102.51%
2.	Lợi nhuận trước thuế	9.1 tỷ	3.03 tỷ	33.3%
3.	Nộp ngân sách	2.76 tỷ	1.22 tỷ	44.2%
4.	Lợi nhuận sau thuế	6.34 tỷ	1.81 tỷ	28.55%

Nguyên nhân không đạt Lợi nhuận kế hoạch:

Kế hoạch tài chính năm 2012, được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty lập căn cứ vào năng lực sản xuất, năng lực kinh doanh của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên và một số yếu tố dự báo về tình hình kinh tế Thế giới và kinh tế Việt Nam trong năm 2012.

Tuy nhiên, thực trạng trong năm 2012 ngành thép, ngành nội thất nói chung và Công ty nói riêng phải đối diện với nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

- Chính phủ tiếp tục đặt trọng tâm kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô nên đầu tư công chỉ duy trì ở mức thấp dẫn đến nhu cầu xây dựng cắt giảm, đặt các doanh nghiệp liên quan vào tình thế cạnh tranh và khó khăn hơn rất nhiều.
- Hiện nay lãi suất vay vốn ngân hàng dù giảm nhưng vẫn đang còn ở mức cao, khiến chi phí lãi vay tăng.
- Các yếu tố đầu vào như chi phí điện nước, chi phí xăng dầu, chi phí lương không ngừng tăng ... Trong khi giá đầu ra không tăng, ngược lại còn giảm khiến Công ty càng thêm khó khăn.

2. Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2012

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1.	Lợi nhuận sau thuế	6.34 tỷ	1.81 tỷ
2.	Kế hoạch phân phối lợi nhuận		

+ Chi cổ tức bằng tiền (10%)	3.97 tỷ	0
+ Trích Quỹ khen thưởng (15,77%)	1 tỷ	0
+ Trích Quỹ phúc lợi (5%)	317 triệu	0
+ Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2012 (2%)	126.8 triệu	0
+ Quỹ phát triển sản xuất	0	1.4 tỷ
+ Quỹ dự phòng tài chính	926.2 triệu	410.75 triệu

3. Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2012

Công ty đã thực hiện việc chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 thấp hơn mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua. Cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng / năm

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	408.000.000	408.000.000
Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	92.000.000	0
Thưởng cho Hội đồng quản trị nếu đạt và vượt kế hoạch lợi nhuận năm (2% lợi nhuận sau thuế)	126.800.000	0
TỔNG CỘNG	626.800.000	408.000.000

4. Về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán DTL là đơn vị kiểm toán độc lập được Đại hội đồng cổ đông thông qua thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

5. Về việc bầu cử lại thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ mới 2012 – 2016

Trong năm 2012 Ban kiểm soát có sự thay đổi thành viên theo Nghị quyết số 240212/NQ-ĐHĐCĐ như sau:

- Miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát của Ông Phan Văn Dũng
- Bổ sung thành viên Ban kiểm soát là Bà Nguyễn Thị Thu Mai

V> KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2013 được dự báo là năm đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam, Chính phủ vẫn chủ trương tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô nhằm đảm bảo nền kinh tế phát triển bền vững. Đồng thời cam kết sẽ thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, sử dụng linh hoạt các công cụ của chính sách tiền tệ để thực hiện lạm phát theo mục tiêu đề ra. Với chính sách vĩ mô nêu trên của chính phủ thì trong năm 2013 ngành thép, ngành nội thất trong nước phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn. Vì thế Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần đề ra các giải pháp thận trọng, hợp lý trong chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Cần duy trì và triển khai tốt công tác “Tái cấu trúc Doanh nghiệp”.
- Chú trọng vào chính sách bán hàng, kiểm soát và thu hồi công nợ nhanh chóng để giảm áp lực tài chính cho Công ty.
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động.
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa với giá cả hợp lý và chất lượng tốt.
- Tái cấu trúc các dòng sản phẩm chủ lực nhằm tối ưu hóa tỷ suất lợi nhuận của Công ty.
- Tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận một cách hợp lý và hiệu quả.

VI> KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2013:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm tài chính 2013 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 30/09/2013), Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

1. Quý I (từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012):

- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán DTL trong đợt kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/09/2012). Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do Công ty kiểm toán DTL phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.
- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.

2. Quý II (từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013):

- Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2013.
- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1 của năm tài chính 2013 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2012).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1 năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1 năm 2013 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.

3. Quý III (từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013):

- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2 năm tài chính 2013 (từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2 năm 2013 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.
- Và tổng kết 6 tháng đầu năm 2013 (từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/03/2013).
- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/03/2013). Xem xét báo cáo soát xét, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.

4. Quý IV (từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013):

- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 3 năm tài chính 2013 (từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3 năm tài chính 2013.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 3 năm tài chính 2013.

Trên đây là báo cáo tóm tắt của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, kính trình Đại hội xem xét và thông qua báo cáo.



Công Ty Cổ Phần Minh Hữu Liên
友聯明堂傢俬股份公司

R1- 49 Khu Phố Hưng Phước 4, Phường Mỹ Hưng, Bùi Bằng Đoàn, P. Tân Phong, Q.7, Tp.HCM
ĐT: 84.8 5412 2948 - 5412 0781 - Fax: 84.8 5412 2947 - Website: www.minghuulien.com

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 09 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

102
C
IN
V

102
C
C
KIỂM
D
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất Inox.
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên
Ông Trần Thanh Sang	Thành viên
Ông Lê Anh Hải	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Thế Anh	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 09 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012

GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN MINH

CHỈ



Số: 13.102/BCKT-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 09 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L

TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.443.596.485	48.005.147.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.630.791.787	13.092.916.839
1. Tiền	111		3.630.791.787	13.092.916.839
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	50.771.244.724	20.989.471.824
1. Phải thu khách hàng	131		42.239.620.344	17.186.518.093
2. Trả trước cho người bán	132		3.298.756.057	175.754.304
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.294.493.711	4.370.337.199
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.061.625.388)	(743.137.772)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	44.059.442.637	10.843.308.841
1. Hàng tồn kho	141		44.101.448.255	10.885.314.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.005.618)	(42.005.618)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.982.117.337	2.079.449.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	989.243.147	630.307.968
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	199.237.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.376.261	1.376.261
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	991.497.929	1.248.528.056

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.163.775.412	11.847.061.490
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.661.032.852	10.551.300.068
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	31.661.032.852	10.427.609.085
+ Nguyên giá	222		37.202.125.159	15.413.130.735
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.541.092.307)	(4.985.521.650)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	123.690.983
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.502.742.560	1.295.761.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.761.720.960	554.739.822
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	741.021.600	741.021.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		134.607.371.897	59.852.208.541

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.920.844.626	16.335.016.586
I. Nợ ngắn hạn	310		90.834.030.953	16.245.001.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	19.500.000.000	5.695.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	68.732.704.997	8.719.650.649
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	770.630.711	118.358.101
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.535.321.604	1.442.066.187
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	157.471.182
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		18.458.841	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.12	276.914.800	112.455.600
II. Nợ dài hạn	330		86.813.673	90.014.867
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		14.134.006	5.515.200
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		72.679.667	84.499.667
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.686.527.270	43.517.191.955
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	43.686.527.270	43.517.191.955
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.763.500.000	39.763.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.657.825.820	1.799.238.080
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.294.874.180	2.153.461.920
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.294.874.180)	(2.153.461.920)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		454.453.875	50.444.458
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.810.747.575	1.904.009.417
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		134.607.371.897	59.852.208.541

087 C
 TY C
 HỮU
 LIÊN
 DAN
 L
 CHỈ M

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		23.417,51	104.001,96
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

KẾ TOÁN TRƯỞNG


ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	282.927.287.656	264.459.725.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	282.927.287.656	264.459.725.477
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	262.691.538.126	246.922.296.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.235.749.530	17.537.428.785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	558.322.443	2.326.267.618
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.562.422.055	2.505.544.391
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.876.312.686	1.659.287.002
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	11.687.999.738	6.509.570.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.262.107.383	7.824.424.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.281.542.796	3.024.156.618
11. Thu nhập khác	31	6.7	5.256.522.331	1.029.686.237
12. Chi phí khác	32	6.8	3.510.205.579	494.581.708
13. Lợi nhuận khác	40		1.746.316.752	535.104.529
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.027.859.548	3.559.261.147
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.208.493.167	1.514.723.535
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.618.806	2.772.920
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.810.747.575	2.041.764.692
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.13	472	560

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.027.859.548	3.559.261.147
Điều chỉnh cho các khoản				-
Khấu hao tài sản cố định	02		1.800.900.303	2.084.448.247
Các khoản dự phòng	03		318.487.616	171.339.727
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(56.536.026)	(22.060.799)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.625.270.599)	(1.168.842.738)
Chi phí lãi vay	06		1.876.312.686	1.659.287.002
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.341.753.528	6.283.432.586
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29.936.727.561)	(4.663.141.861)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(33.216.133.796)	9.389.072.915
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		42.202.418.791	(17.255.048.860)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.565.916.317)	414.001.007
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.940.020.325)	(1.595.579.363)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.396.738.659)	(987.865.328)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.058.637.355	91.202.531
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9.241.526.814)	(1.605.622.532)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(28.694.253.797)	(9.929.548.905)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(678.785.838)	(2.410.460.560)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.000.000.000	181.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		194.502.620	1.039.964.157
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.515.716.782	(2.188.678.221)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

HỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23.716.200.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(141.412.260)	(2.153.461.920)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		107.450.848.860	65.361.133.426
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(93.624.660.354)	(68.025.072.712)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.377.783.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.684.776.246	14.521.015.794
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(9.493.760.769)	2.402.788.668
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.092.916.839	10.710.326.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		31.635.717	(20.198.485)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		3.630.791.787	13.092.916.839

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG**GIÁM ĐỐC**


TRẦN TUẤN MINH

57 - C
TY
ĐU
CÁ
T.L
30

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (không chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất Inox.
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/10 đến 30/9.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1%.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	612.634.274	740.696.471
Tiền gửi ngân hàng	3.018.157.513	12.352.220.368
Tổng cộng	3.630.791.787	13.092.916.839

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	42.239.620.344	17.186.518.093
- Khách hàng trong nước	37.408.426.868	13.867.996.844
- Khách hàng nước ngoài	4.831.193.476	3.318.521.249
Trả trước cho người bán	3.298.756.057	175.754.304
- Nhà cung cấp trong nước	272.117.271	175.754.304
- Nhà cung cấp nước ngoài	3.026.638.786	-
Các khoản phải thu khác	6.294.493.711	4.370.337.199
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	51.832.870.112	21.732.609.596
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.061.625.388)	(743.137.772)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	50.771.244.724	20.989.471.824

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	7.414.000	10.632.952.672
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	15.226.000	190.958.196
Cộng – xem thêm mục 8	22.640.000	10.823.910.868

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về tạm ứng lương của nhân viên	-	16.517.494
Trích trước lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	-	59.666.667
Phải thu về thuế GTGT đề nghị hoàn	6.294.493.711	4.290.243.958
Phải thu khác	-	3.909.080
Cộng	6.294.493.711	4.370.337.199

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	15.628.174.301	1.436.559.551
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.294.780.542	605.992.625
Thành phẩm	22.971.837.854	2.333.472.464
Hàng hóa	4.206.655.558	6.509.289.819
Cộng giá gốc hàng tồn kho	44.101.448.255	10.885.314.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(42.005.618)	(42.005.618)
Giá trị thuần có thể thực hiện	44.059.442.637	10.843.308.841

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp các khoản vay là: 32.546.976.000 VNĐ.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	96.595.000	50.000.000
Ký quỹ mở L/C	894.902.929	1.198.528.056
Tổng cộng	991.497.929	1.248.528.056

(Phần tiếp theo ở trang 16)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	13.564.637	1.412.739	435.754	15.413.130
Mua trong năm	12.692	26.158.322	27.000	222.184	26.420.198
Đầu tư XDCB hoàn thành	17.608	106.083	-	-	123.691
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.754.895)	-	-	(4.754.895)
Số dư cuối năm	30.300	35.074.147	1.439.739	657.938	37.202.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	4.531.846	234.296	219.379	4.985.521
Khấu hao trong năm	5.132	1.478.008	217.163	100.597	1.800.900
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.245.330)	-	-	(1.245.330)
Số dư cuối năm	5.132	4.764.524	451.459	319.976	5.541.091
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	9.032.791	1.178.443	216.375	10.427.609
Tại ngày cuối năm	25.168	30.309.623	988.280	337.962	31.661.033

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 192.236.809 đồng.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí vật tư, thiết bị và công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.8. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ vỏ bình gas và ký quỹ tiền thuê nhà.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	19.500.000.000	5.695.000.000
Tổng cộng	19.500.000.000	5.695.000.000

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Xem thêm mục 5.3) và chịu lãi suất 13,4%/năm đến 19,15%/năm đối với VND.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	68.732.704.997	8.719.650.649
- Nhà cung cấp trong nước	52.807.813.235	8.719.650.649
- Nhà cung cấp nước ngoài	15.924.891.762	-
Người mua trả tiền trước	770.630.711	118.358.101
- Khách hàng trong nước	494.277.517	-
- Khách hàng nước ngoài	276.353.194	118.358.101
Tổng cộng	69.503.335.708	8.838.008.750

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	34.288.747.491	6.474.312.748
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	2.403.595.732	-
Cộng – xem thêm mục 8	36.692.343.223	6.474.312.748

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	262.004.018	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.231.303.431	1.419.548.923
Thuế thu nhập cá nhân	42.014.155	22.517.264
Tổng cộng	1.535.321.604	1.442.066.187

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm này	Năm trước
Số dư đầu năm	112.455.600	295.079.680
Trích lập trong năm	1.500.000.000	400.000.000
Sử dụng trong năm	(1.335.540.800)	(582.624.080)
Số dư cuối năm	276.914.800	112.455.600

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	68.732.704.997	8.719.650.649
- Nhà cung cấp trong nước	52.807.813.235	8.719.650.649
- Nhà cung cấp nước ngoài	15.924.891.762	-
Người mua trả tiền trước	770.630.711	118.358.101
- Khách hàng trong nước	494.277.517	-
- Khách hàng nước ngoài	276.353.194	118.358.101
Tổng cộng	69.503.335.708	8.838.008.750

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	34.288.747.491	6.474.312.748
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	2.403.595.732	-
Cộng – xem thêm mục 8	36.692.343.223	6.474.312.748

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	262.004.018	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.231.303.431	1.419.548.923
Thuế thu nhập cá nhân	42.014.155	22.517.264
Tổng cộng	1.535.321.604	1.442.066.187

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm này	Năm trước
Số dư đầu năm	112.455.600	295.079.680
Trích lập trong năm	1.500.000.000	400.000.000
Sử dụng trong năm	(1.335.540.800)	(582.624.080)
Số dư cuối năm	276.914.800	112.455.600

(Phần tiếp theo ở trang 18)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.763.500.000	3.952.700.000	-	-	2.647.064.285	1.370.864.992	47.734.129.277
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	2.104.009.417	2.104.009.417
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-1.412.580.008	(1.370.864.992)	(2.783.445.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(2.153.461.920)	2.153.461.920	(2.153.461.920)	-	-	(2.153.461.920)
Tặng khác	-	-	-	-	312.603.154	-	312.603.154
Giảm khác	-	-	-	-	(1.496.642.973)	(200.000.000)	(1.696.642.973)
Số dư đầu năm nay	39.763.500.000	1.799.238.080	2.153.461.920	(2.153.461.920)	50.444.458	1.904.009.417	43.517.191.955
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.810.747.575	1.810.747.575
Mua cổ phiếu quỹ	-	(141.412.260)	141.412.260	(141.412.260)	-	-	(141.412.260)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	404.009.417	(1.904.009.417)	(1.500.000.000)
Số dư cuối năm	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	454.453.875	1.810.747.575	43.686.527.270

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	30/09/2012	Tỉ lệ
Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	12.200.000.000	30,68%
Ông Trần Tuấn Minh	1.800.000.000	4,53%
Ông Lương Tuấn Minh	550.000.000	1,38%
Ông Lê Anh Hải	500.000.000	1,26%
Ông Trần Ngọc Hải	400.000.000	1,01%
Ông La Thọ Văn	300.000.000	0,75%
Ông La Thời Tâm	289.000.000	0,73%
Cổ đông khác	23.724.500.000	59,66%
Cộng	39.763.500.000	100%

5.13.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(142.300)	(133.300)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.834.050	3.843.050
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.810.747.575	2.041.764.692
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.834.518	3.647.710
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	472	560

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	158.962.898.474	210.743.386.217
Doanh thu bán thành phẩm	123.964.389.182	53.716.339.260
Doanh thu thuần	282.927.287.656	264.459.725.477

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	154.876.770.566	201.385.236.392
Giá vốn của thành phẩm đã bán	107.814.767.560	45.537.060.300
Tổng cộng	262.691.538.126	246.922.296.692

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.835.953	1.099.630.824
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	366.950.464	1.204.575.995
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.536.026	22.060.799
Tổng cộng	558.322.443	2.326.267.618

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.876.312.686	1.659.287.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	686.109.369	846.257.389
Tổng cộng	2.562.422.055	2.505.544.391

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.793.522.885	2.889.216.816
Chi phí vật liệu bao bì	1.639.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	46.424.268	36.072.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.478.418.705	367.500.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.828.316.077	1.960.639.681
Chi phí dự phòng	318.487.616	-
Chi phí bằng tiền khác	2.221.191.187	1.256.141.309
Tổng cộng	11.687.999.738	6.509.570.706

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.936.737.030	1.577.151.935
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.444.374	245.607.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	955.007.939	1.353.910.893
Thuế, phí và lệ phí	6.020.000	6.000.000
Chi phí dự phòng		276.999.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.821.943	1.876.437.618
Chi phí bằng tiền khác	1.022.076.097	2.488.316.833
Tổng cộng	5.262.107.383	7.824.424.688

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán phế liệu, chuyển nhượng mặt bằng	186.913.375	661.611.748
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.000.000.000	181.818.182
Thu nhập khác	69.608.956	186.256.307
Tổng cộng	5.256.522.331	1.029.686.237

807-0
CÔNG TY
MINH HỮU
LIÊN
CÔNG
T. L
3 CP

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí chuyển nhượng mặt bằng	-	381.784.777
Chi phí thanh lý tài sản cố định	3.509.565.354	112.606.268
Khác	640.225	190.663
Tổng cộng	3.510.205.579	494.581.708

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.027.859.548	3.559.261.147
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.862.649.146	2.563.030.749
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(56.536.026)	(63.397.756)
Thu nhập tính thuế TNDN	4.833.972.668	6.058.894.140
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.208.493.167	1.514.723.535

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ và thu nhập chịu thuế khi tính thuế như: chi phí vượt mức khống chế, chi phí không hợp lý hợp lệ.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.165.159.180	34.392.407.926
Chi phí nhân công	16.928.994.816	11.787.986.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.917.691.512	3.571.615.193
Chi phí dự phòng	318.487.616	276.999.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.630.606.357	7.927.901.617
Chi phí khác bằng tiền	3.271.487.284	3.756.543.142
Tổng cộng	252.232.426.765	61.713.454.079

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	22.640.000	10.823.910.868
Phải trả - Xem thêm mục 5.10	36.692.343.223	6.474.312.748

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm này	Năm trước
Bán hàng	26.621.815.260	23.626.105.244
Thu tiền bán hàng	37.423.086.128	12.741.878.251
Cần trừ công nợ		61.620.126
Mua hàng	98.012.919.375	79.979.450.284
Phải trả phí gia công cắt thép	292.229.148	127.054.592
Phải trả tiền thuê kho, thuê mặt bằng	3.484.526.900	1.389.284.100
Thanh toán tiền hàng	71.571.644.948	78.512.228.082
Cước vận chuyển	919.453.264	-
Trả tiền cước vận chuyển	869.472.344	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm này	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	408.000.000	202.000.000
Lương Giám đốc	451.100.000	277.033.000
Lương các nhân viên chủ chốt khác	370.860.000	272.723.000
Tổng cộng	1.229.960.000	751.756.000

9. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động số HDTN/MHL/30082011 ngày 30 tháng 08 năm 2011. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm này	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.036.175.976	963.054.664

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/9/2012	1/10/2011
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.630.791.787	13.092.916.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.177.994.956	16.443.380.321
Đầu tư ngắn hạn	-	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ	1.635.924.529	1.939.549.656
Tổng cộng	46.444.711.272	32.475.846.816
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	19.500.000.000	5.695.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	68.732.704.997	8.719.650.649
Chi phí phải trả	-	157.471.182
Tổng cộng	88.232.704.997	14.572.121.831

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/9/2012	1/10/2011	30/9/2012	1/10/2011
Đô la Mỹ (USD)	145.315,86	160,875	23.417,51	104.001,96

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
30/9/2012			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	68.732.704.997	-	68.732.704.997
Các khoản vay	19.500.000.000	-	19.500.000.000
1/10/2011			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	8.719.650.649	-	8.719.650.649
Chi phí phải trả	157.471.182	-	157.471.182
Các khoản vay	5.695.000.000	-	5.695.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

30/9/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.177.994.956	-	41.177.994.956
Các khoản ký quỹ	894.902.929	741.021.600	1.635.924.529
1/10/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.443.380.321	-	16.443.380.321
Các khoản ký quỹ	1.198.528.056	741.021.600	1.939.549.656
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 11 năm 2012.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG



TRẦN TUẤN MINH